

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/HS-ST

Ngày: 01/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Bình.
- Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2024/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và thông báo dời phiên tòa số 09/2024/HSST-QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2024/HSST-QĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 419/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

- Nguyễn Văn T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1992, tại tỉnh Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; Nơi sinh sống: Tổ H, ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; bị cáo hiện sống chung như vợ chồng với chị tên Vương Thị D1, sinh năm 1985, có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 09/01/2024 đến ngày 15/01/2024. Bị cáo được tại ngoại.

2. **Hoàng Ngọc Q**, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký thường trú: **Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi sinh sống: **Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Ngọc L**, sinh năm 1962 và bà **Lê Thị Q1**, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là **Lê Thị H**, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt và tạm giữ ngày 09/01/2024 đến ngày 15/01/2024. Bị cáo được tại ngoại.

3. **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1966 tại tỉnh Hà Nam.

Nơi đăng ký thường trú: **Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam**; Nơi cư trú: **ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn G** (đã chết) và bà **Lê Thị L1**, sinh năm 1928; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị **Lê Thị T2**, sinh năm 1965, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1988 và nhỏ nhất sinh năm 1992; Hiện sống chung như vợ chồng với bà **Lê Thị Hồng L2**, sinh năm 1972 và có 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt và tạm giữ ngày 09/01/2024 đến ngày 15/01/2024. Bị cáo được tại ngoại.

4. **Đỗ Đức D2**, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1974 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký thường trú: **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi sinh sống: **ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hoá: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Đức L3** (đã chết) và bà **Đoàn Thị T3** (đã chết); bị cáo có vợ là **Bùi Thị A**, sinh năm 1975 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt và tạm giữ ngày 09/01/2024 đến ngày 15/01/2024. Bị cáo được tại ngoại.

5. **Đỗ Văn D3**, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký thường trú: **Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Văn T4**, sinh năm 1958 và bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là **Hoàng Thị X**, sinh năm 1991 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt và tạm giữ ngày 09/01/2024 đến ngày 15/01/2024. Bị cáo được tại ngoại.

(Bị cáo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, Nguyễn Văn T cùng Hoàng Ngọc Q, Đỗ Văn D3, Đỗ Đức D2, Nguyễn Văn B rủ nhau đến bãi đất trống gần trường tiểu học T5 thuộc ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đánh bạc bằng hình thức bài Cào tố. Khi nhóm T đến bãi đất trống nhìn thấy có sẵn bộ bài tây 52 lá do người chơi trước đó để lại, nên cả nhóm lấy bài này và cùng nhau đánh bạc. Cách thức đánh bạc Cào tố và tỷ lệ thắng thua như sau:

Người chơi sử dụng bộ bài tây loại 52 lá để đánh bạc, sau đó chia cho mỗi người chơi 03 lá bài và mỗi người chơi phải bỏ ra 10.000 đồng để đặt cược lúc đầu (tiền đường). Người chia bài là người được quyền tố đầu tiên với số tiền 20.000 đồng đến 50.000 đồng cho mỗi lần tố, người ngồi kế bên có quyền bỏ bài (đồng nghĩa với việc dừng chơi trong ván và không được so bài), hoặc theo bài (bỏ ra số tiền cược bằng với người tố phía trước), hoặc tố thêm tiền (bỏ ra tiền cược nhiều hơn người tố phía trước). Các người chơi tố đến khi nào không còn lượt tố thêm thì những người theo bài còn lại so sánh bài với nhau, lớn nhất là C (ba lá bài cùng giá trị khác chất), L4 (ba lá bài có giá trị liên tiếp), ba tây (ba lá bài tây J-Q-K), tính điểm (theo độ lớn từ nhỏ đến lớn là 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9). Người nào lớn bài nhất thì thắng toàn bộ số tiền cược, gồm tiền đường và tiền tố lúc sau.

Đến khoảng 15 giờ 50 phút, Nguyễn Văn T, Hoàng Ngọc Q, Đỗ Văn D3, Đỗ Đức D2 và Nguyễn Văn B đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an xã T phát hiện, lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về vật chứng vụ án:

T3 tại chiếu bạc: 1.740.000 đồng, 01 bộ bài tây 52 lá (đã qua sử dụng).

Thu giữ trên người các đối tượng: Nguyễn Văn T 400.000 đồng và 01 điện thoại di động Oppo A74; Đỗ Đức D2 1.200.000 đồng và 01 điện thoại di động S S9+ và 01 xe mô tô biển số 61AL-046.28, số máy VMSE1 ED121118, số khung RLGSC05DMND121118; Đỗ Văn D3 1.150.000 đồng và 01 điện thoại di động Oppo A15S; Nguyễn Văn B 380.000 đồng; Hoàng Ngọc Q 1.650.000 đồng.

+ Kết quả điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.140.000 đồng cụ thể như sau:

Nguyễn Văn T mang theo 500.000 đồng sử dụng đánh bạc, T thắng bạc 30.000 đồng, thu giữ trong người 530.000 đồng.

Đỗ Đức D2 mang theo 2.070.000 đồng sử dụng đánh bạc, **D2** thua bạc 370.000 đồng; để dưới chiếu bạc 500.000 đồng, thu giữ trong người 1.200.000 đồng.

Nguyễn Văn B mang theo 570.000 đồng sử dụng đánh bạc, **B** thua bạc 190.000 đồng, thu giữ trong người 380.000 đồng.

Đỗ Văn D3 mang theo 1.100.000 đồng sử dụng đánh bạc, **D3** thắng bạc 130.000 đồng, để dưới chiếu bạc 80.000 đồng, thu giữ trong người 1.150.000 đồng.

Hoàng Ngọc Q mang theo 1.900.000 đồng sử dụng đánh bạc, **Q** thua bạc 370.000 đồng, để dưới chiếu bạc 650.000 đồng, thu giữ trong người 1.650.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 70/CT-VKSVC ngày 16/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hoàng Ngọc Q**, **Đỗ Văn D3**, **Đỗ Đức D2** và **Nguyễn Văn B** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1,2 Điều 51; Điều 35; Điều 18 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **D2** và bị cáo **Q** số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; xử phạt bị cáo **T**, bị cáo **D3** và bị cáo **B** mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội đánh bạc.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận về hành vi của mình nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện V**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện V**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của các bị cáo mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận ngày 09/01/2024, tại bãi đất trống gần Trường Tiểu học T5 thuộc ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn T cùng Hoàng Ngọc Q, Đỗ Văn D3, Đỗ Đức D2 và Nguyễn Văn B đánh bạc bằng hình thức Cào tố, với số tiền sử dụng đánh bạc là 6.140.000 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội và phòng chống tệ nạn tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.1] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo là người lao động nhất thời phạm tội, các bị cáo trực tiếp đánh bạc thắng thua với nhau nên giữ vai trò ngang nhau. Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử quyết định hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 61AL-046.28, số máy VMSE1ED121118, số khung RLGSC05DMND121118 do chị Nguyễn Bùi Thảo N, sinh ngày 11/8/2007, ngụ ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đứng tên chứng nhận đăng ký. Ngày 09/01/2024, chị N cho Đỗ Đức D2 mượn xe, nhưng không biết D2 sử dụng làm phương tiện đến địa điểm đánh bạc nên trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với 01 điện thoại di động Oppo A74 của **Nguyễn Văn T**; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S9⁺ của **Đỗ Đức D2**; 01 điện thoại di động Oppo A15S của **Đỗ Văn D3** do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra giao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với số tiền 6.140.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài tây loại 52 lá (đã qua sử dụng) không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hoàng Ngọc Q**, **Đỗ Văn D3**, **Đỗ Đức D2** và **Nguyễn Văn B** phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Văn T** số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bị cáo **Hoàng Ngọc Q** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bị cáo **Đỗ Văn D3** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bị cáo **Đỗ Đức D2** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bị cáo **Nguyễn Văn B** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.140.000 đồng (sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây loại 52 lá (đã qua sử dụng).

Theo biên lai thu tiền số 0004316 ngày 23/4/2024 và biên lai giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;

- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn